



shí yī yuè
十一月

noun (month) · November

Example Sentences

shí yī yuè tiān qì biàn lěng le
十一月天气变冷了。

The weather gets cold in November.

wǒ de shēng rì zài shí yī yuè
我的生日在十一月。

My birthday is in November.

Trace each character, then write the word on your own.

十	十	十	十	十															
一	一	一	一																
月	月	月	月	月	月	月													